

**BỘ Y TẾ****BỘ Y TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2008/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH****về việc ban hành Quy chế báo cáo và Biểu mẫu báo cáo  
hoạt động phòng, chống HIV/AIDS****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Điều 18 của Luật thống kê số 04/2003/QH11 ngày 17/6/2003;*

*Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế báo cáo và Biểu mẫu báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 26/2006/QĐ-BYT

ngày 06/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bản “Quy chế báo cáo và Biểu mẫu báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS”.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng y tế các ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

Trịnh Quân Huân

## QUY CHẾ

**báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS**  
(ban hành kèm theo Quyết định số 28/2008/QĐ-BYT  
ngày 14 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về hình thức, thời gian, hệ thống báo cáo và trách nhiệm thực hiện báo cáo.

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, tổ chức có triển khai hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi cả nước.

**Điều 2.** Nguyên tắc báo cáo

1. Báo cáo phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, đầy đủ, hạn chế trùng lặp đến mức tối đa.

2. Nội dung báo cáo phải được thực hiện đúng theo các biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Việc báo cáo phải đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, có đầy đủ chữ ký của người làm báo cáo, chữ ký, dấu của Thủ trưởng cơ quan báo cáo và phải gửi đúng thời gian quy định.

**Điều 3.** Công bố và lưu trữ số liệu

Việc công bố và lưu trữ số liệu báo

cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thống kê, bảo vệ bí mật nhà nước và lưu trữ.

### Chương II CÁC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỤ THỂ

**Điều 4.** Hình thức, nội dung và cách gửi báo cáo

1. Hình thức báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ bao gồm báo cáo quý, báo cáo năm;

b) Báo cáo đột xuất.

2. Nội dung báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ: Nội dung báo cáo thực hiện theo biểu mẫu số 1, số 2 và số 3 ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Báo cáo đột xuất: Nội dung báo cáo phải nêu rõ sự việc, thời gian, địa điểm, tình hình diễn biến, hậu quả và các giải pháp can thiệp đối với các vấn đề xảy ra đột xuất trong phạm vi đơn vị phụ trách. Trường hợp, báo cáo theo yêu cầu của cấp trên, nội dung báo cáo phải đầy đủ thông tin theo đúng nội dung cụ thể mà đơn vị đề nghị báo cáo yêu cầu.

**Điều 5. Giá trị của số liệu báo cáo**

1. Giá trị của số liệu đối với báo cáo định kỳ được quy định như sau:

a) Số liệu báo cáo của Quý I được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/3 hàng năm;

b) Số liệu báo cáo của Quý II được tính từ ngày 01/4 đến hết ngày 30/6 hàng năm;

c) Số liệu báo cáo của Quý III được tính từ ngày 01/7 đến hết ngày 30/9 hàng năm;

d) Số liệu báo cáo của Quý IV được tính từ ngày 01/10 đến hết ngày 31/12 hàng năm;

đ) Số liệu báo cáo năm được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

2. Giá trị của số liệu đối với báo cáo đột xuất được thực hiện theo yêu cầu cụ thể về thời gian thực hiện thống kê số liệu của từng báo cáo.

**Điều 6. Quy trình báo cáo**

1. Quy trình báo cáo định kỳ được thực hiện như sau:

a) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thống kê số liệu quy định tại Điều 5 của Quy chế này, Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Trạm Y tế xã) thu thập, tổng hợp số liệu của các hoạt động phòng,

chống HIV/AIDS trên địa bàn và báo cáo bằng văn bản cho đơn vị đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS của huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị phòng, chống HIV/AIDS huyện);

b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thống kê số liệu quy định tại Điều 5 của Quy chế này, đơn vị phòng, chống HIV/AIDS huyện thu thập, tổng hợp số liệu báo cáo của tất cả các Trạm Y tế xã trên địa bàn, hoạt động phòng, chống HIV/AIDS do đơn vị tuyến huyện thực hiện và báo cáo bằng văn bản cho đơn vị đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là đơn vị phòng, chống HIV/AIDS tỉnh);

c) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thống kê số liệu quy định tại Điều 5 của Quy chế này, đơn vị phòng, chống HIV/AIDS tỉnh thu thập, tổng hợp số liệu báo cáo của tất cả các đơn vị phòng, chống HIV/AIDS huyện trên địa bàn, hoạt động phòng, chống HIV/AIDS do đơn vị tuyến tỉnh thực hiện và báo cáo cho đơn vị đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS khu vực (sau đây gọi tắt là Viện khu vực), Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Bộ Y tế cụ thể như sau:

- Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương nhận báo cáo bằng văn bản và file điện tử của 28 tỉnh khu vực phía Bắc, bao gồm: Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hòa Bình, Hưng Yên, Lào Cai, Lạng Sơn, Lai Châu, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái;

- Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh nhận báo cáo bằng văn bản và file điện tử của 20 tỉnh khu vực phía Nam, bao gồm: An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bình Dương, Bình Phước, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Lâm Đồng, Long An, Sóc Trăng, thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long;

- Viện Pasteur Nha Trang nhận báo cáo bằng văn bản và file điện tử của 11 tỉnh khu vực miền Trung, bao gồm: Bình Định, Bình Thuận, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế;

- Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên nhận báo cáo bằng văn bản và file điện tử của 04 tỉnh, bao gồm: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum;

- Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Bộ Y tế nhận báo cáo bằng văn bản và file điện tử của tất cả các tỉnh trên toàn quốc và của 4 Viện khu vực.

d) Trong thời gian 35 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thống kê số liệu quy định tại Điều 5 của Quy chế này, đơn vị đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS khu vực thu thập, tổng hợp số liệu báo cáo của tất cả các đơn vị phòng, chống HIV/AIDS tỉnh trên địa bàn và báo cáo cho Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS);

đ) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thống kê số liệu quy định tại Điều 5 của Quy chế này, các Viện, Bệnh viện Trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, các đơn vị phòng, chống HIV/AIDS trực thuộc các Bộ, ngành, đoàn thể, các Ban quản lý dự án Trung ương hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS thu thập, tổng hợp số liệu liên quan đến hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của mình và báo cáo bằng văn bản cho Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS).

2. Báo cáo đột xuất phải đầy đủ các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Quy chế này và được gửi cho đơn vị đề nghị báo cáo. Trong trường hợp khẩn cấp, báo cáo có thể được gửi qua hệ thống FAX, điện báo hoặc thư điện tử nhưng trong vòng 72 giờ phải gửi bản chính theo đường công văn.

096293  
www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684 \*  
LawSoft

### Chương III TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

**Điều 7.** Trách nhiệm của người làm công tác báo cáo

1. Người trực tiếp lập biểu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước người phụ trách bộ phận về tính chính xác của số liệu, nội dung, chất lượng, thời hạn của báo cáo.

2. Người phụ trách bộ phận báo cáo phải kiểm tra nội dung, chất lượng báo cáo và chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị và cơ quan chức năng về tính chính xác của số liệu, nội dung, chất lượng, thời hạn của báo cáo theo quy định.

3. Thủ trưởng đơn vị ký và đóng dấu phải chịu trách nhiệm trước cấp trên về tính chính xác của số liệu, nội dung, chất lượng, thời hạn của báo cáo.

**Điều 8.** Trách nhiệm của Trạm y tế xã

Tổ chức thực hiện việc thống kê, ghi chép và báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định.

**Điều 9.** Trách nhiệm của đơn vị đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS huyện

Thu thập, xử lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện và quản lý toàn bộ số liệu báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi huyện

bao gồm số liệu từ các xã, số liệu từ các cơ sở có hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trực thuộc tuyến huyện.

**Điều 10.** Trách nhiệm của các Viện, Bệnh viện trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế; các đơn vị phòng, chống HIV/AIDS trực thuộc các Bộ, ngành, đoàn thể; Ban quản lý các dự án Trung ương hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS

1. Thu thập, xử lý và báo cáo số liệu phản ánh toàn bộ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của đơn vị hoặc của ngành.

2. Tham khảo ý kiến của Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS) và các đơn vị chức năng khác trước khi ban hành thêm biểu mẫu, sổ sách ghi chép hoặc tổ chức các cuộc điều tra thống kê chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS.

**Điều 11.** Trách nhiệm của đơn vị đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS tỉnh

1. Thu thập, xử lý số liệu phản ánh toàn bộ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của địa phương.

2. Hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp thống kê báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh.

**Điều 12.** Trách nhiệm của các Viện khu vực

1. Thu thập, xử lý số liệu phản ánh toàn bộ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của các tỉnh trong khu vực được giao phụ trách theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 của Quy chế này và tại Viện khu vực.

2. Hướng dẫn nghiệp vụ, tổng hợp thống kê báo cáo hoạt động cho các tỉnh thuộc khu vực được giao phụ trách.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả việc thực hiện các báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi khu vực phụ trách.

**Điều 13.** Trách nhiệm của Cục Phòng, chống HIV/AIDS

1. Xây dựng, chỉ đạo toàn bộ các hoạt động về báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

2. Thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu phản ánh hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên toàn quốc theo định kỳ hàng quý, hàng năm, 5 năm, 10 năm.

3. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện quy chế báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên phạm vi toàn quốc./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Trịnh Quân Huân

## Tuyên xã - Báo cáo quý

Biểu mẫu số 1: Báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tuyên xã

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa danh: .....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C/v số:

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**  
 (Từ / / 200 đến / / 200 )

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện .....

Phần I  
**CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

**I. CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN, GIÁO DỤC VÀ  
 TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI**

Biểu 1. Truyền thông trực tiếp thay đổi hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng	
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS	
5	Thành viên gia đình người nhiễm HIV	
6	Người thuộc nhóm người di biến động	
7	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ	
8	Người thuộc nhóm từ 15 đến 24	
9	Các đối tượng khác	

## II. CHƯƠNG TRÌNH CAN THIỆP GIẢM TÁC HẠI TRONG DỰ PHÒNG LÂY NHIỄM HIV

Biểu 2. Đối tượng cần được can thiệp

TT	Đối tượng	Số quản lý được
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm	
3	Tiếp viên nhà hàng	
4	Người thuộc nhóm người di biến động	
5	Nhóm khác	

Biểu 3. Phân phát miễn phí bao cao su

TT	Kênh phân phát	Số lượng bao cao su phát miễn phí
1	Tuyên truyền viên đồng đẳng	
2	Cộng tác viên	
3	Cơ sở y tế	
4	Khác	
<b>Tổng</b>		

Biểu 4. Phân phát, thu gom bơm kim tiêm qua các kênh

TT	Kênh	Số lượng bơm kim tiêm		Số người nhận bơm kim tiêm	Số lượt nhận bơm kim tiêm
		Phát miễn phí	Thu gom		
1	Tuyên truyền viên đồng đẳng				
2	Cộng tác viên				
3	Khác				
<b>Tổng</b>					

### III. QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN AIDS

Biểu 5. Theo dõi hoạt động chăm sóc, điều trị cho người nhiễm HIV

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Số người nhiễm HIV hiện đang được chăm sóc tại xã phường tính đến cuối kỳ báo cáo					

### IV. QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC NHIỄM KHUẨN LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC

Biểu 6. Theo dõi mắc nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt người mắc theo nhóm tuổi		
		< 15 tuổi	15 - 49 tuổi	≥ 50 tuổi
1	Nam			
2	Nữ			
Tổng				

### V. KHÓ KHĂN VÀ CÁC Ý KIẾN ĐỀ XUẤT:

1. Khó khăn và tồn tại

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nhận xét và đề xuất

.....

.....

.....

.....

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ .....

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng.... năm 200....

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

Ghi chú: Các xã, phường, thị trấn gọi chung là tuyến xã  
 Các ô gạch chéo không điền số liệu

Tuyên xã - Báo cáo năm

Biểu mẫu số 1: Báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tuyên xã

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa danh:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C/v số:

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**  
(Từ / / 200 đến / / 200 )

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện .....

Phần I  
**TỔ CHỨC**

Biểu 1. Nhân lực phòng chống HIV/AIDS

TT	ĐƠN VỊ	Số cán bộ chuyên trách HIV/AIDS			Số cán bộ kiêm nhiệm công tác HIV/AIDS		
		Sau đại học	Đại học	Trung cấp, cao đẳng	Sau đại học	Đại học	Trung cấp, cao đẳng
	Trạm y tế xã						

Phần II  
**CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

**I. CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN, GIÁO DỤC VÀ TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI**

Biểu 2. Truyền thông trực tiếp thay đổi hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng	

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS	
5	Thành viên gia đình người nhiễm HIV	
6	Người thuộc nhóm người di biến động	
7	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ	
8	Người thuộc nhóm từ 15 đến 24 tuổi	
9	Các đối tượng khác	

Biểu 3. Sử dụng tài liệu truyền thông

TT	Hình thức	Tồn của năm trước	Nhận về trong năm	Số lượng đã sử dụng
1	Tờ rơi, tranh gấp			
2	Áp phích			
3	Pano			
4	Sách mỏng/sách nhỏ			
5	Tài liệu khác			

## II. CHƯƠNG TRÌNH CAN THIỆP GIẢM TÁC HẠI TRONG DỰ PHÒNG LÂY NHIỄM HIV

Biểu 4. Đối tượng cần được can thiệp

TT	Đối tượng	Số quản lý được
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm	
3	Tiếp viên nhà hàng	
4	Người thuộc nhóm người di biến động	
5	Nhóm khác	

Biểu 5. Phân phát miễn phí bao cao su

TT	Kênh phân phát	Số lượng bao cao su phát miễn phí
1	Tuyên truyền viên đồng đẳng	
2	Cộng tác viên	
3	Cơ sở y tế	
4	Khác	
Tổng		

Biểu 6. Phân phát, thu gom bơm kim tiêm qua các kênh

TT	Kênh	Số lượng bơm kim tiêm		Số người nhận bơm kim tiêm	Số lượt người nhận bơm kim tiêm
		Phát miễn phí	Thu gom		
1	Tuyên truyền viên đồng đẳng				
2	Cộng tác viên				
3	Khác				
Tổng					

### III. QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN AIDS

Biểu 7. Theo dõi hoạt động chăm sóc, điều trị cho người nhiễm HIV

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Số người nhiễm HIV hiện đang được chăm sóc tại xã phường tính đến cuối kỳ báo cáo					

#### IV. QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC NHIỄM KHUẨN LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC

Biểu 8. Theo dõi mắc nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt người mắc theo nhóm tuổi		
		< 15 tuổi	15 - 49 tuổi	≥ 50 tuổi
1	Nam			
2	Nữ			
Tổng				

#### V. KHÓ KHĂN VÀ CÁC Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

##### 1. Khó khăn và tồn tại

.....

.....

.....

.....

.....

##### 2. Nhận xét và đề xuất

.....

.....

.....

.....

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ .....

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200....

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

Ghi chú: Các xã, phường gọi chung là tuyến xã  
Các ô gạch chéo không điền số liệu.

Tuyển huyện - Báo cáo quý

Biểu mẫu số 2: Báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tuyển huyện

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa danh: .....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C/v số:

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**  
 (Từ / / 200 đến / / 200 )

Kính gửi: - Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh.....  
 - Sở Y tế tỉnh .....

Phần I  
**CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

**I. CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN, GIÁO DỤC VÀ  
 TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI**

Biểu 1. Truyền thông trực tiếp thay đổi hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng	
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS	
5	Thành viên gia đình người nhiễm HIV	
6	Người thuộc nhóm người di biến động	
7	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ	
8	Người thuộc nhóm từ 15 đến 24 tuổi	
9	Các đối tượng khác	

## II. CHƯƠNG TRÌNH CAN THIỆP GIẢM TÁC HẠI TRONG DỰ PHÒNG LÂY NHIỄM HIV

Biểu 2. Đối tượng cần được can thiệp

TT	Nội dung báo cáo	Số quản lý được	Số ước tính
1	Người nghiện chích ma túy		
2	Người bán dâm		
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam		
4	Tiếp viên nhà hàng		
5	Người thuộc nhóm người di biến động		
6	Nhóm khác		

Biểu 3. Người thực hiện chương trình can thiệp giảm tác hại

TT	Nội dung báo cáo	Số người
1	Tuyên truyền viên đồng đẳng cho nhóm người nghiện chích ma túy	
2	Tuyên truyền viên đồng đẳng cho nhóm người bán dâm	
3	Tuyên truyền viên đồng đẳng cho nhóm người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Cộng tác viên	

Biểu 4. Phân phát bao cao su miễn phí

TT	Kênh phân phát	Số lượng bao cao su phát miễn phí
1	Tuyên truyền viên đồng đẳng	
2	Cộng tác viên	
3	Phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện	
4	Cơ sở y tế	
5	Khác	
<b>Tổng</b>		

Biểu 5. Phân phát, thu gom bơm kim tiêm qua các kênh

TT	Kênh	Số lượng bơm kim tiêm		Số người nhận bơm kim tiêm	Số lượt người nhận bơm kim tiêm
		Phát miễn phí	Thu gom		
1	Tuyên truyền viên đồng đảng				
2	Cộng tác viên				
3	Phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện				
4	Khác				
Tổng					

### III. CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC VÀ ĐIỀU TRỊ

Biểu 6. Theo dõi hoạt động chăm sóc, điều trị cho người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Số bệnh nhân AIDS đang được chăm sóc và điều trị tại cơ sở tính đến cuối kỳ báo cáo					
2	Số người nhiễm HIV hiện đang được chăm sóc tại xã phường tính đến cuối kỳ báo cáo					

Biểu 7. Quản lý và điều trị ARV

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
I	Kỳ báo cáo trước	X	X	X	X	X
1	Lũy tích số bệnh nhân đã từng được điều trị ARV tại cơ sở tính đến cuối kỳ báo cáo trước					

09621933  
 LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
2	Số bệnh nhân vẫn còn đang được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo trước					
II	Kỳ báo cáo này					
3	Số bệnh nhân đủ tiêu chuẩn nhưng chưa được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					
4	Số bệnh nhân mới bắt đầu được điều trị ARV tại cơ sở trong kỳ báo cáo					
5	Số bệnh nhân chuyển đến trong kỳ báo cáo					
6	Số bệnh nhân chuyển đi trong kỳ báo cáo					
7	Số bệnh nhân tử vong trong kỳ báo cáo					
8	Số bệnh nhân bỏ điều trị (không theo dõi được) trong kỳ báo cáo					
9	Lũy tích số bệnh nhân đã từng được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					
10	Số bệnh nhân hiện đang được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					

Biểu 8. Kết quả theo dõi điều trị ARV tại thời điểm 12 tháng kể từ lúc bắt đầu

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi	≥ 15 tuổi
1	Số bệnh nhân ban đầu trong nhóm (hoặc các nhóm)		
2	Số bệnh nhân chuyển tới		
3	Số bệnh nhân chuyển đi		
4	Tổng số bệnh nhân trong nhóm (hoặc các nhóm)		
4.1	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 trong nhóm (hoặc các nhóm)		
5	Số bệnh nhân còn sống và vẫn đang tiếp tục điều trị ARV tại thời điểm 12 tháng kể từ lúc bắt đầu điều trị		
5.1	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 và vẫn duy trì phác đồ bậc 1		
5.2	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 và phải chuyển sang phác đồ bậc 2		

09621133

Biểu 9. Tai nạn rủi ro nghề nghiệp

TT	Nội dung	Ngành y tế			Công an	Lao động thương binh xã hội	Quân đội	Khác
		Bác sĩ	Y tá, Điều dưỡng	Hộ lý				
1	Số người bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong kỳ báo cáo							
2	Số người khẳng định nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp							
3	Số người được điều trị dự phòng bằng thuốc ARV							
3.1	Trong vòng 6 giờ							
3.2	Trong vòng 6 - 72 giờ							
4	Số người không được điều trị dự phòng ARV							

IV. HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN XÉT NGHIỆM TỰ NGUYỆN

Biểu 10. Hoạt động tư vấn xét nghiệm tự nguyện

TT	Đôi tượng tư vấn	Số người được tư vấn trước xét nghiệm	Số người xét nghiệm HIV		Số người quay lại nhận kết quả và được tư vấn sau xét nghiệm	
			Tổng	HIV (+)	Tổng	HIV (+)
1	Nam					
2	Nữ					
Tổng						

V. CHƯƠNG TRÌNH DỰ PHÒNG LÂY TRUYỀN HIV TỪ MẸ SANG CON

Biểu 11. Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con cho phụ nữ có thai

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số phụ nữ mang thai đến khám thai lần đầu tại cơ sở y tế	
2	Số phụ nữ mang thai được tư vấn trước xét nghiệm HIV	

09621933  
 www.lawvietnampLuat.com  
 Tel: +84-8-3845 6684  
 LawSoul

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
3	Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV tự nguyện	
3.1	Xét nghiệm HIV trong thời kỳ mang thai	
3.2	Xét nghiệm HIV trong lúc chuyển dạ	
4	Số phụ nữ mang thai được tư vấn và xét nghiệm HIV quay trở lại nhận kết quả	
5	Số phụ nữ mang thai có kết quả xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	
6	Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV đã sinh con được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	
6.1	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng nevirapine liều duy nhất	
6.2	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng zidovudine kết hợp hoặc không kết hợp với nevirapine liều duy nhất	
6.3	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng phác đồ kết hợp 3 loại thuốc	
6.4	Điều trị ARV cho phụ nữ mang thai nhiễm HIV có chỉ định điều trị	
7	Số trẻ đẻ sống sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV	
8	Số trẻ được điều trị dự phòng lây truyền HIV	

Biểu 12. Phơi nhiễm HIV và trẻ nhiễm HIV

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV vừa mới đăng ký theo dõi và điều trị tại các cơ sở có dịch vụ chăm sóc cho trẻ trong quý báo cáo	
1.1	Từ các cơ sở Nhi khoa có chăm sóc và điều trị HIV/AIDS	
1.2	Từ các cơ sở chăm sóc, điều trị HIV/AIDS có nhận bệnh nhân nhi	
2	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm khẳng định HIV theo quy định của Bộ Y tế trong thời gian 0 đến 18 tháng tuổi	



TT	Các thông số	Tổng cộng	Số đơn vị máu nhiễm hoặc nghi nhiễm HIV
2.1	Từ người cho máu chuyên nghiệp		
2.2	Từ người cho máu tự nguyện		
2.3	Từ người nhà cho máu		
2.4	Từ nguồn cho máu tự thân		
3	Số đơn vị máu lấy từ cơ sở khác		
4	Số đơn vị máu được sàng lọc HIV theo đúng quy định của Bộ Y tế		

### VIII. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÁN BỘ

Biểu 15. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ

TT	Số cán bộ	Chuyên trách	Kiểm nhiệm
1	Số cán bộ phòng chống HIV/AIDS ở tuyến huyện và xã		
2	Số lượt cán bộ tuyến huyện và xã được đào tạo		

Biểu 16. Đào tạo tập huấn theo chuyên đề

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt học viên	
		Ngành Y tế	Ngành khác
1	Đào tạo, tập huấn theo chuyên đề		
1.1	Thông tin, truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi		
1.2	Can thiệp giảm thiểu tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV		
1.3	Chăm sóc hỗ trợ người nhiễm HIV		
1.4	Giám sát HIV/AIDS, theo dõi, đánh giá chương trình		
1.5	Tiếp cận điều trị ARV		
1.6	Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện		





Tuyển huyện - Báo cáo năm

Biểu mẫu số 2: Báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tuyển huyện

ĐƠN VỊ:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Địa danh:..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 C/v số:

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**  
 (Từ / / 200 đến / / 200 )

Kính gửi: - Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh.....  
 - Sở Y tế tỉnh.....

**Phần I**  
**TỔ CHỨC**

Biểu 1. Nhân lực phòng chống HIV/AIDS

TT	Đơn vị	Số cán bộ chuyên trách			Số cán bộ kiêm nhiệm		
		Sau đại học	Đại học	Trung cấp, cao đẳng	Sau đại học	Đại học	Trung cấp, cao đẳng
1	Tuyển huyện						
1.1	Khoa kiểm soát dịch bệnh và HIV/AIDS hoặc Khoa dịch tễ - Trung tâm y tế huyện						
1.2	Đơn vị điều trị HIV/AIDS tuyển huyện						
1.3	Khác						
2	Tuyển xã						
2.1	Trạm y tế xã						

09621933

**Phần II**  
**CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

**I. CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN, GIÁO DỤC VÀ TRUYỀN THÔNG  
THAY ĐỔI HÀNH VI**

**Biểu 2. Truyền thông trực tiếp thay đổi hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV**

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng	
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS	
5	Thành viên gia đình người nhiễm HIV	
6	Người thuộc nhóm người di biến động	
7	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ	
8	Người thuộc nhóm từ 15 đến 24 tuổi	
9	Các đối tượng khác	

**Biểu 3. Sử dụng tài liệu truyền thông**

TT	Hình thức	Tồn của năm trước	Nhận về trong năm	Số lượng đã sử dụng
1	Tờ rơi, Tranh gấp			
2	Áp phích			
3	Pano			
4	Sách mỏng, sách nhỏ			
5	Tài liệu khác			



Biểu 7. Phân phát bao cao su miễn phí

TT	Kênh phân phát	Số lượng bao cao su phát miễn phí
1	Tuyên truyền viên đồng đẳng	
2	Cộng tác viên	
3	Phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện	
4	Cơ sở y tế	
5	Khác	
Tổng		

Biểu 8. Phân phát, thu gom bơm kim tiêm qua các kênh

TT	Kênh	Số lượng bơm kim tiêm		Số người nhận bơm kim tiêm	Số lượt người nhận bơm kim tiêm
		Phát miễn phí	Thu gom		
1	Tuyên truyền viên đồng đẳng				
2	Cộng tác viên				
3	Phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện				
4	Khác				
Tổng					

### III. CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC VÀ ĐIỀU TRỊ

Biểu 9. Cơ sở y tế có dịch vụ chăm sóc, điều trị HIV/AIDS trên địa bàn huyện

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số phòng khám ngoại trú HIV/AIDS theo quy định của Bộ Y tế trên địa bàn huyện	

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1.1	Thuộc cơ sở y tế nhà nước	
1.2	Thuộc cơ sở y tế tư nhân	
2	Số cơ sở y tế nhà nước cung cấp dịch vụ điều trị ARV trên địa bàn huyện	
2.1	Cơ sở trực thuộc tuyến tỉnh	
2.2	Cơ sở trực thuộc tuyến huyện	
3	Số cơ sở y tế nhà nước trên địa bàn huyện có cung cấp gói điều trị, chăm sóc và hỗ trợ HIV/AIDS toàn diện theo chuẩn quốc gia	

Biểu 10. Theo dõi hoạt động chăm sóc, điều trị cho người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Số bệnh nhân AIDS đang được chăm sóc và điều trị tại cơ sở tính đến cuối kỳ báo cáo					
2	Số người nhiễm HIV hiện đang được chăm sóc tại xã phường tính đến cuối kỳ báo cáo					

Biểu 11. Theo dõi bệnh nhân AIDS mắc lao

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Số bệnh nhân đồng nhiễm lao/HIV có điều trị ARV và có điều trị lao bắt đầu trong năm vừa qua.					

Biểu 12. Quản lý và điều trị ARV

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
I	Kỳ báo cáo trước					
1	Lũy tích số bệnh nhân đã từng được điều trị ARV tại cơ sở tính đến cuối kỳ báo cáo trước					
2	Số bệnh nhân vẫn còn đang được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo trước					
II	Kỳ báo cáo này					
3	Số bệnh nhân đủ tiêu chuẩn nhưng chưa được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo này					
4	Số bệnh nhân mới bắt đầu được điều trị ARV tại cơ sở trong kỳ báo cáo					
5	Số bệnh nhân chuyển đến trong kỳ báo cáo					
6	Số bệnh nhân chuyển đi trong kỳ báo cáo					
7	Số bệnh nhân tử vong trong kỳ báo cáo					
8	Số bệnh nhân bỏ điều trị (không theo dõi được) trong kỳ báo cáo					
9	Lũy tích số bệnh nhân đã từng được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					
10	Số bệnh nhân hiện đang được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					

09/2/1933

LawSoft - Tel: 849 3845 6684 - www.ThuVienPhapLuat.com

Biểu 13. Kết quả theo dõi điều trị ARV tại thời điểm 12 tháng kể từ lúc bắt đầu

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi	≥ 15 tuổi
1	Số bệnh nhân ban đầu trong nhóm (hoặc các nhóm)		
2	Số bệnh nhân chuyển tới		

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi	≥ 15 tuổi
3	Số bệnh nhân chuyển đi		
4	Tổng số bệnh nhân trong nhóm (hoặc các nhóm)		
4.1	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 trong nhóm (hoặc các nhóm)		
5	Số bệnh nhân còn sống và vẫn đang tiếp tục điều trị ARV tại thời điểm 12 tháng kể từ lúc bắt đầu điều trị		
5.1	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 và vẫn duy trì phác đồ bậc 1		
5.2	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 và phải chuyển sang phác đồ bậc 2		

Biểu 14. Tai nạn rủi ro nghề nghiệp

TT	Nội dung	Ngành y tế			Công an	Lao động thương binh xã hội	Quân đội	Khác
		Bác sĩ	Y tá, Điều dưỡng	Hộ lý				
1	Số người bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong kỳ báo cáo							
2	Số người khẳng định nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp							
3	Số người được điều trị dự phòng bằng thuốc ARV							
3.1	Trong vòng 6 giờ							
3.2	Trong vòng 6 - 72 giờ							
4	Số người không được điều trị dự phòng ARV							

09721933

LawSoft \* Tel: 84 9 3845 6684 \* www.LuuVienPhapLuat.com

## IV. HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN XÉT NGHIỆM TỰ NGUYỆN

Biểu 15. Hoạt động tư vấn xét nghiệm tự nguyện

TT	Đối tượng tư vấn	Số người được tư vấn trước xét nghiệm	Số người xét nghiệm HIV		Số người quay lại nhận kết quả và được tư vấn sau xét nghiệm	
			Tổng	HIV (+)	Tổng	HIV (+)
1	Nam					
2	Nữ					
Tổng						

## V. CHƯƠNG TRÌNH DỰ PHÒNG LÂY TRUYỀN HIV TỪ MẸ SANG CON

Biểu 16. Độ bao phủ chương trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số cơ sở y tế cung cấp gói dịch vụ dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con tối thiểu theo hướng dẫn của Bộ Y tế	

Biểu 17. Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con cho phụ nữ có thai

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số phụ nữ mang thai đến khám thai lần đầu tại cơ sở y tế	
2	Số phụ nữ mang thai được tư vấn trước xét nghiệm HIV	
3	Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV tự nguyện	
3.1	Xét nghiệm HIV trong thời kỳ mang thai	
3.2	Xét nghiệm HIV trong lúc chuyển dạ	
4	Số phụ nữ mang thai được tư vấn và xét nghiệm HIV quay trở lại nhận kết quả	

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
5	Số phụ nữ mang thai có kết quả xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	
6	Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV đã sinh con được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	
6.1	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng nevirapine liều duy nhất	
6.2	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng zidovudine kết hợp hoặc không kết hợp với nevirapine liều duy nhất	
6.3	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng phác đồ kết hợp 3 loại thuốc	
6.4	Điều trị ARV cho phụ nữ mang thai nhiễm HIV có chỉ định điều trị	
7	Số trẻ đẻ sống sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV	
8	Số trẻ được điều trị dự phòng lây truyền HIV	

Biểu 18. Phơi nhiễm HIV và trẻ nhiễm HIV

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV vừa mới đăng ký theo dõi và điều trị tại các cơ sở có dịch vụ chăm sóc cho trẻ trong quý báo cáo	
1.1	Từ các cơ sở Nhi khoa có chăm sóc và điều trị HIV/AIDS	
1.2	Từ các cơ sở chăm sóc, điều trị HIV/AIDS có nhận bệnh nhân nhi	
2	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm khẳng định HIV theo quy định của Bộ Y tế trong thời gian 0 đến 18 tháng tuổi	
3	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV có xét nghiệm khẳng định HIV dương tính trong thời gian 0 đến 18 tháng tuổi	
4	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV bắt đầu được điều trị dự phòng bằng cotrimoxazole trong vòng 2 tháng sau khi sinh trong quý báo cáo	



TT	Các thông số	Tổng cộng	Số đơn vị máu nhiễm hoặc nghi nhiễm HIV
3	Số đơn vị máu lấy từ cơ sở khác		
4	Số đơn vị máu được sàng lọc HIV theo đúng quy định của Bộ Y tế		

### VIII. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÁN BỘ

Biểu 21. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ

TT	Số cán bộ	Chuyên trách	Kiểm nhiệm
1	Số cán bộ phòng chống HIV/AIDS ở tuyến huyện và xã		
2	Số lượt cán bộ tuyến huyện và xã được đào tạo		

Biểu 22. Đào tạo tập huấn theo chuyên đề

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt học viên	
		Ngành Y tế	Ngành khác
1	Đào tạo, tập huấn theo chuyên đề		
1.1	Thông tin, truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi		
1.2	Can thiệp giảm thiểu tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV		
1.3	Chăm sóc hỗ trợ người nhiễm HIV		
1.4	Giám sát HIV/AIDS, theo dõi, đánh giá chương trình		
1.5	Tiếp cận điều trị ARV		
1.6	Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện		
1.7	Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con		
1.8	Quản lý và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục		
1.9	An toàn truyền máu		
1.10	Nghiên cứu khoa học		
1.11	Lập kế hoạch, Quản lý		
2	Các lớp đào tạo, tập huấn tổng hợp		
3	Khác		

## Biểu 23. Theo dõi hoạt động nộp báo cáo của tuyến xã

TT	Tuyến	Số có báo cáo	Tổng số
1	Xã		

## IX. KHÓ KHĂN VÀ CÁC Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

## 1. Khó khăn và tồn tại

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## 2. Nhận xét và đề xuất

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ.....  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200.....  
NGƯỜI BÁO CÁO

Ghi chú: Các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gọi chung là tuyến huyện  
Các xã, phường, thị trấn gọi chung là tuyến xã  
Các ô gạch chéo không điền số liệu.

Tuyển tình - Báo cáo quý

Biểu mẫu số 3: Áp dụng cho tuyển tình, các Bệnh viện, Viện trực thuộc TW,  
Y tế ngành và Ban quản lý dự án TW

ĐƠN VỊ:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Địa danh:..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
C/v số:

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**  
(Từ / /200 đến / /200 )

Kính gửi: - Cục Phòng, chống HIV/AIDS  
- Viện khu vực.....

Phần I  
**CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

**I. CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN, GIÁO DỤC VÀ  
TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI**

Biểu 1. Truyền thông trực tiếp thay đổi hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng	
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Người nhiễm HIV	
5	Thành viên gia đình người nhiễm HIV	
6	Người thuộc nhóm người di biến động	

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
7	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ	
8	Người thuộc nhóm từ 15 - 24 tuổi	
9	Các đối tượng khác	

## II. CHƯƠNG TRÌNH CAN THIỆP GIẢM TÁC HẠI TRONG DỰ PHÒNG LÂY NHIỄM HIV

Biểu 2. Đối tượng cần được can thiệp

TT	Nội dung báo cáo	Số quản lý được	Số ước tính
1	Người nghiện chích ma túy		
2	Người bán dâm		
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam		
4	Tiếp viên nhà hàng		
5	Người thuộc nhóm người di biến động		
6	Nhóm khác		

Biểu 3. Người thực hiện chương trình can thiệp giảm tác hại

TT	Nội dung báo cáo	Số người
1	Tuyên truyền viên đồng đẳng cho nhóm người nghiện chích ma túy	
2	Tuyên truyền viên đồng đẳng cho nhóm người bán dâm	
3	Tuyên truyền viên đồng đẳng cho nhóm người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Cộng tác viên	

Biểu 4. Phân phát bao cao su miễn phí

TT	Kênh phân phát	Số lượng bao cao su phát miễn phí
1	Tuyên truyền viên đồng đảng	
2	Cộng tác viên	
3	Phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện	
4	Cơ sở y tế	
5	Khác	
Tổng		

Biểu 5. Phân phát, thu gom bơm kim tiêm qua các kênh

TT	Kênh	Số lượng bơm kim tiêm		Số người nhận bơm kim tiêm	Số lượt người nhận bơm kim tiêm
		Phát miễn phí	Thu gom		
1	Tuyên truyền viên đồng đảng				
2	Cộng tác viên				
3	Phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện				
4	Khác				
Tổng					

### III. CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC VÀ ĐIỀU TRỊ

Biểu 6. Theo dõi hoạt động chăm sóc, điều trị cho người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Số bệnh nhân AIDS đang được chăm sóc và điều trị tại cơ sở tính đến cuối kỳ báo cáo					
2	Số người nhiễm HIV hiện đang được chăm sóc tại xã tính đến cuối kỳ báo cáo					

Biểu 7. Quản lý và điều trị ARV

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
I	Kỳ báo cáo trước					
1	Lũy tích số bệnh nhân đã từng được điều trị ARV tại cơ sở tính đến cuối kỳ báo cáo trước					
2	Số bệnh nhân vẫn còn đang được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo trước					09621933
II	Kỳ báo cáo này					
3	Số bệnh nhân đủ tiêu chuẩn nhưng chưa được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo này					
4	Số bệnh nhân mới bắt đầu được điều trị ARV tại cơ sở trong kỳ báo cáo					
5	Số bệnh nhân chuyển đến trong kỳ báo cáo					
6	Số bệnh nhân chuyển đi trong kỳ báo cáo					
7	Số bệnh nhân tử vong trong kỳ báo cáo					
8	Số bệnh nhân bỏ điều trị (không theo dõi được) trong kỳ báo cáo					
9	Lũy tích số bệnh nhân đã từng được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					
10	Số bệnh nhân hiện đang được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					

Biểu 8. Kết quả theo dõi điều trị ARV tại thời điểm 12 tháng kể từ lúc bắt đầu

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi	≥ 15 tuổi
1	Số bệnh nhân ban đầu trong nhóm (hoặc các nhóm)		
2	Số bệnh nhân chuyển tới		
3	Số bệnh nhân chuyển đi		
4	Tổng số bệnh nhân trong nhóm (hoặc các nhóm)		
4.1	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 trong nhóm (hoặc các nhóm)		
5	Số bệnh nhân còn sống và vẫn đang tiếp tục điều trị ARV tại thời điểm 12 tháng kể từ lúc bắt đầu điều trị		
5.1	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 và vẫn duy trì phác đồ bậc 1		
5.2	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 và phải chuyển sang phác đồ bậc 2		

Biểu 9. Tai nạn rủi ro nghề nghiệp

TT	Nội dung báo cáo	Ngành y tế			Công an	Lao động thương binh xã hội	Quân đội	Khác
		Bác sĩ	Y tá, Điều dưỡng	Hộ lý				
1	Số người bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong kỳ báo cáo							
2	Số người khẳng định nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp							
3	Số người được điều trị dự phòng bằng ARV							

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.thuvienphapluat.com

TT	Nội dung báo cáo	Ngành y tế			Công an	Lao động thương binh xã hội	Quân đội	Khác
		Bác sĩ	Y tá, Điều dưỡng	Hộ lý				
3.1	Trong vòng 6 giờ							
3.2	Trong vòng 6 - 72 giờ							
4	Số người không được điều trị dự phòng ARV							

#### IV. HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN XÉT NGHIỆM TỰ NGUYỆN

Biểu 10. Hoạt động tư vấn xét nghiệm tự nguyện

TT	Đối tượng tư vấn	Số người được tư vấn trước xét nghiệm	Số người xét nghiệm HIV		Số người quay lại nhận kết quả và được tư vấn sau xét nghiệm	
			Tổng	HIV (+)	Tổng	HIV (+)
1	Nam					
2	Nữ					
	Tổng					

#### V. CHƯƠNG TRÌNH DỰ PHÒNG LÂY TRUYỀN HIV TỪ MẸ SANG CON

Biểu 11. Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con cho phụ nữ có thai

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số phụ nữ mang thai đến khám thai lần đầu tại cơ sở y tế	
2	Số phụ nữ mang thai được tư vấn trước xét nghiệm HIV	
3	Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV tự nguyện	

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
3.1	Xét nghiệm HIV trong thời kỳ mang thai	
3.2	Xét nghiệm HIV trong lúc chuyển dạ	
4	Số phụ nữ mang thai được tư vấn và xét nghiệm HIV quay trở lại nhận kết quả	
5	Số phụ nữ mang thai có kết quả xét nghiệm kháng định HIV dương tính	
6	Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV đã sinh con được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	
6.1	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng nevirapine liều duy nhất	
6.2	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng zidovudine kết hợp hoặc không kết hợp với nevirapine liều duy nhất	
6.3	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng phác đồ kết hợp 3 loại thuốc	
6.4	Điều trị ARV cho phụ nữ mang thai nhiễm HIV có chỉ định điều trị	
7	Số trẻ đẻ sống sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV	
8	Số trẻ được điều trị dự phòng lây truyền HIV	

Biểu 12. Phơi nhiễm HIV và trẻ nhiễm HIV

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV vừa mới đăng ký theo dõi và điều trị tại các cơ sở có dịch vụ chăm sóc cho trẻ trong quý báo cáo	
1.1	Từ các cơ sở nhi khoa có chăm sóc và điều trị HIV/AIDS	
1.2	Từ các cơ sở chăm sóc, điều trị HIV/AIDS có nhận bệnh nhân nhi	
2	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm kháng định HIV theo quy định của Bộ Y tế trong thời gian 0 đến 18 tháng tuổi	

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
3	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV có xét nghiệm khẳng định HIV dương tính trong thời gian 0 đến 18 tháng tuổi	
4	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV bắt đầu được điều trị dự phòng bằng cotrimoxazole trong vòng 2 tháng sau khi sinh trong quý báo cáo	

## VI. QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC NHIỄM KHUẨN LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC

Biểu 13. Theo dõi mắc nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt người mắc theo nhóm tuổi		
		< 15 tuổi	15 - 49 tuổi	≥ 50 tuổi
I	Phát hiện từ y tế nhà nước			
1	Nam			
2	Nữ			
Tổng				
II	Phát hiện từ y tế tư nhân			
1	Nam			
2	Nữ			
Tổng				

## VII. AN TOÀN TRUYỀN MÁU

Biểu 14. Dự phòng lây nhiễm HIV trong an toàn truyền máu

TT	Các thông số	Tại tuyên tỉnh	Tại tuyên huyện	Tổng cộng	Số đơn vị máu nhiễm hoặc nghi nhiễm HIV
1	Số cơ sở lấy máu trong địa bàn quản lý				X
2	Tổng số đơn vị máu thu gom được trong kỳ báo cáo				
2.1	Từ người cho máu chuyên nghiệp				
2.2	Từ người cho máu tự nguyện				
2.3	Từ người nhà cho máu				
2.4	Từ nguồn cho máu tự thân				
3	Số đơn vị máu lấy từ cơ sở khác				
4	Số đơn vị máu được sàng lọc HIV theo đúng quy định của Bộ Y tế				

## VIII. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÁN BỘ

Biểu 15. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ

TT	Nội dung báo cáo	Chuyên trách	Kiểm nhiệm
1	Số cán bộ phòng chống HIV/AIDS ở tất cả các tuyến hiện có		
2	Số cán bộ được đào tạo		

Biểu 16. Đào tạo tập huấn theo chuyên đề

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt học viên	
		Ngành Y tế	Bộ ngành khác
1	Đào tạo, tập huấn theo chuyên đề		

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt học viên	
		Ngành Y tế	Bộ ngành khác
1.1	Thông tin, truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi		
1.2	Can thiệp giảm thiểu tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV		
1.3	Chăm sóc hỗ trợ người nhiễm HIV		
1.4	Giám sát HIV/AIDS, theo dõi, đánh giá chương trình		
1.5	Tiếp cận điều trị ARV		
1.6	Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện		
1.7	Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con		
1.8	Quản lý và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục		
1.9	An toàn truyền máu		
1.10	Nghiên cứu khoa học		
1.11	Lập kế hoạch, quản lý		
2	Các lớp đào tạo, tập huấn tổng hợp		
3	Khác		

Biểu 17. Theo dõi hoạt động nộp báo cáo của tuyến huyện, xã

TT	Tuyến	Số có báo cáo	Tổng số
1	Huyện		
2	Xã		

## IX. KHÓ KHĂN VÀ CÁC Ý KIẾN ĐỀ XUẤT:

## 1. Khó khăn và tồn tại

.....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Nhận xét và đề xuất**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Ngày..... tháng..... năm 200.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ.....  
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO

09521953

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

Ghi chú: Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gọi chung là tuyến tỉnh  
Các huyện, quận, thị xã, thị trấn, thành phố thuộc tỉnh gọi chung là tuyến huyện  
Các xã, phường, thị trấn gọi chung là tuyến xã  
Các ô gạch chéo không điền số liệu

## Tuyển tình - Báo cáo năm

Biểu mẫu số 3: Áp dụng cho tuyển tình, các Bệnh viện, Viện trực thuộc TW, Y tế ngành và Ban quản lý dự án TW

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa danh:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C/v số:

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**  
(Từ / /200 đến / /200 )

Kính gửi: - Cục Phòng, chống HIV/AIDS  
- Viện khu vực.....

Phần I  
**TỔ CHỨC**

Biểu 1. Nhân lực phòng, chống HIV/AIDS

TT	Đơn vị	Số cán bộ chuyên trách			Số cán bộ kiêm nhiệm		
		Sau đại học	Đại học	Trung cấp, cao đẳng	Sau đại học	Đại học	Trung cấp, cao đẳng
I	Tuyển tình						
1	Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS						
1.1	Ban giám đốc						
1.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính						

TT	Đơn vị	Số cán bộ chuyên trách			Số cán bộ kiêm nhiệm		
		Sau đại học	Đại học	Trung cấp, cao đẳng	Sau đại học	Đại học	Trung cấp, cao đẳng
1.3	Phòng Tổ chức - Hành chính						
1.4	Khoa Truyền thông, can thiệp và huy động cộng đồng						
1.5	Khoa Giám sát HIV/AIDS/STI						
1.6	Khoa Tư vấn, chăm sóc, điều trị HIV/AIDS						
2	Bệnh viện tuyến tỉnh						
	Đơn vị chăm sóc, điều trị HIV/AIDS						
3	Đơn vị khác có liên quan đến phòng, chống HIV/AIDS						
3.1	Các trung tâm y tế trực thuộc Sở Y tế						
3.2	Các ban, ngành khác						
II	Tuyến huyện						
1	Khoa kiểm soát dịch bệnh HIV/AIDS hoặc khoa dịch tễ của Trung tâm y tế huyện						
2	Đơn vị điều trị HIV/AIDS tuyến huyện						
III	Tuyến xã						
	Trạm y tế xã						

09621933

LawSoft - Tel: +84 8 3845 6684 - www.LawVienPhapLuat.com

Phần II  
CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

I. CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN, GIÁO DỤC VÀ TRUYỀN THÔNG  
THAY ĐỔI HÀNH VI

Biểu 2. Truyền thông trực tiếp thay đổi hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng	
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Người nhiễm HIV	
5	Thành viên gia đình người nhiễm HIV	
6	Người thuộc nhóm người di biến động	
7	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ	
8	Người thuộc nhóm từ 15 - 24 tuổi	
9	Các đối tượng khác	

Biểu 3. Sản xuất và sử dụng tài liệu truyền thông

TT	Hình thức	Tồn của năm trước	Kỳ báo cáo			Số lượng đã sử dụng
			Nhận về	Đơn vị sản xuất	Tổng	
1	Tờ rơi, Tranh gấp					
2	Áp phích					
3	Pano					
4	Sách mỏng/sách nhỏ					
5	Tài liệu khác					



Biểu 7. Phân phát bao cao su miễn phí

TT	Kênh phân phát	Số lượng bao cao su phát miễn phí
1	Tuyên truyền viên đồng đảng	
2	Cộng tác viên	
3	Phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện	
4	Cơ sở y tế	
5	Khác	
Tổng		

Biểu 8. Phân phát, thu gom bơm kim tiêm qua các kênh

TT	Kênh	Số lượng bơm kim tiêm		Số người nhận bơm kim tiêm	Số lượt người nhận bơm kim tiêm
		Phát miễn phí	Thu gom		
1	Tuyên truyền viên đồng đảng				
2	Cộng tác viên				
3	Phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện				
4	Khác				
Tổng					

### III. CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC VÀ ĐIỀU TRỊ

Biểu 9. Cơ sở y tế và huyện có dịch vụ chăm sóc điều trị HIV/AIDS

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số huyện có ít nhất một phòng khám ngoại trú HIV/AIDS theo quy định của Bộ Y tế	
2	Số phòng khám ngoại trú HIV/AIDS	

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
2.1	Thuộc cơ sở y tế nhà nước	
2.2	Thuộc cơ sở y tế tư nhân	
2.3	Thuộc các trại giam, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục	
3	Số cơ sở y tế nhà nước cung cấp dịch vụ điều trị ARV trên địa bàn tỉnh	
3.1	Cơ sở trực thuộc tuyến tỉnh	
3.2	Cơ sở trực thuộc tuyến huyện	
4	Số huyện có ít nhất một cơ sở y tế nhà nước cung cấp điều trị ARV	
5	Số huyện có cung cấp gói điều trị, chăm sóc và hỗ trợ HIV/AIDS toàn diện theo chuẩn quốc gia	

Biểu 10. Theo dõi hoạt động chăm sóc, điều trị cho người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Số bệnh nhân AIDS đang được chăm sóc và điều trị tại cơ sở tính đến cuối kỳ báo cáo					
2	Số người nhiễm HIV hiện đang được chăm sóc tại xã phường tính đến cuối kỳ báo cáo					

Biểu 11. Theo dõi bệnh nhân AIDS mắc lao

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Số bệnh nhân đồng nhiễm lao/HIV có điều trị ARV và có điều trị lao bắt đầu trong năm vừa qua					

Biểu 12. Quản lý và điều trị ARV

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi		≥ 15 tuổi		Tổng số
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	
I	Kỳ báo cáo trước					
1	Lũy tích số bệnh nhân đã từng được điều trị ARV tại cơ sở tính đến cuối kỳ báo cáo trước					
2	Số bệnh nhân vẫn còn đang được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo trước					
II	Kỳ báo cáo này					
3	Số bệnh nhân đủ tiêu chuẩn nhưng chưa được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					
4	Số bệnh nhân mới bắt đầu được điều trị ARV tại cơ sở trong kỳ báo cáo					
5	Số bệnh nhân chuyển đến trong kỳ báo cáo					
6	Số bệnh nhân chuyển đi trong kỳ báo cáo					
7	Số bệnh nhân tử vong trong kỳ báo cáo					
8	Số bệnh nhân bỏ điều trị (không theo dõi được) trong kỳ báo cáo					
9	Lũy tích số bệnh nhân đã từng được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					
10	Số bệnh nhân hiện đang được điều trị ARV tính đến cuối kỳ báo cáo					

Biểu 13. Kết quả theo dõi điều trị ARV tại thời điểm 12 tháng kể từ lúc bắt đầu

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi	≥ 15 tuổi
1	Số bệnh nhân ban đầu trong nhóm (hoặc các nhóm)		
2	Số bệnh nhân chuyển tới		

TT	Nội dung báo cáo	< 15 tuổi	≥ 15 tuổi
3	Số bệnh nhân chuyển đi		
4	Tổng số bệnh nhân trong nhóm (hoặc các nhóm)		
4.1	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 trong nhóm (hoặc các nhóm)		
5	Số bệnh nhân còn sống và vẫn đang tiếp tục điều trị ARV tại thời điểm 12 tháng kể từ lúc bắt đầu điều trị		
5.1	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 và vẫn duy trì phác đồ bậc 1		
5.2	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị với phác đồ bậc 1 và phải chuyển sang phác đồ bậc 2		

Biểu 14. Tai nạn rủi ro nghề nghiệp

TT	Nội dung	Ngành y tế			Công an	Lao động thương binh xã hội	Quân đội	Khác
		Bác sĩ	Y tá, Điều dưỡng	Hộ lý				
1	Số người bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong kỳ báo cáo							
2	Số người khẳng định nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp							
3	Số người được điều trị dự phòng bằng thuốc ARV							
3.1	Trong vòng 6 giờ							
3.2	Trong vòng 6 - 72 giờ							
4	Số người không được điều trị dự phòng ARV							

## IV. HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN XÉT NGHIỆM TỰ NGUYỆN

Biểu 15. Hoạt động tư vấn xét nghiệm tự nguyện

TT	Đối tượng tư vấn	Số người được tư vấn trước xét nghiệm	Số người xét nghiệm HIV		Số người quay lại nhận kết quả và được tư vấn sau xét nghiệm	
			Tổng	HIV (+)	Tổng	HIV (+)
1	Nam					
2	Nữ					
Tổng						

## V. CHƯƠNG TRÌNH DỰ PHÒNG LÂY TRUYỀN HIV TỪ MẸ SANG CON

Biểu 16. Độ bao phủ chương trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số cơ sở y tế cung cấp gói dịch vụ dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con tối thiểu theo hướng dẫn của Bộ Y tế	
2	Số huyện có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con tối thiểu theo hướng dẫn của Bộ Y tế	

Biểu 17. Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con cho phụ nữ có thai

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số phụ nữ mang thai đến khám thai lần đầu tại cơ sở y tế	
2	Số phụ nữ mang thai được tư vấn trước xét nghiệm HIV	
3	Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV tự nguyện	
3.1	Xét nghiệm HIV trong thời kỳ mang thai	
3.2	Xét nghiệm HIV trong lúc chuyển dạ	

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
4	Số phụ nữ mang thai được tư vấn và xét nghiệm HIV quay trở lại nhận kết quả	
5	Số phụ nữ mang thai có kết quả xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	
6	Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV đã sinh con được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	
6.1	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng nevirapine liều duy nhất	
6.2	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng zidovudine kết hợp hoặc không kết hợp với nevirapine liều duy nhất	
6.3	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng phác đồ kết hợp 3 loại thuốc	
6.4	Điều trị ARV cho phụ nữ mang thai nhiễm HIV có chỉ định điều trị	
7	Số trẻ đẻ sống sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV	
8	Số trẻ được điều trị dự phòng lây truyền HIV	

Biểu 18. Phơi nhiễm HIV và trẻ nhiễm HIV

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
1	Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV vừa mới đăng ký theo dõi và điều trị tại các cơ sở có dịch vụ chăm sóc cho trẻ trong quý báo cáo	
1.1	Từ các cơ sở nhi khoa có chăm sóc và điều trị HIV/AIDS	
1.2	Từ các cơ sở chăm sóc, điều trị HIV/AIDS có nhận bệnh nhân nhi	
2	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm khẳng định HIV theo quy định của Bộ Y tế trong thời gian 0 đến 18 tháng tuổi	

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng
3	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV có xét nghiệm khẳng định HIV dương tính trong thời gian 0 đến 18 tháng tuổi	
4	Số trẻ sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV bắt đầu được điều trị dự phòng bằng cotrimoxazole trong vòng 2 tháng sau khi sinh trong quý báo cáo	

## VI. QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC NHIỄM KHUẨN LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC

Biểu 19. Theo dõi mắc nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt người mắc theo nhóm tuổi		
		< 15 tuổi	15 - 49 tuổi	≥ 50 tuổi
I	Phát hiện từ y tế nhà nước			
1	Nam			
2	Nữ			
Tổng				
II	Phát hiện từ y tế tư nhân			
1	Nam			
2	Nữ			
Tổng				

## VII. AN TOÀN TRUYỀN MÁU

Biểu 20. Dự phòng lây nhiễm HIV trong an toàn truyền máu

TT	Các thông số	Tại tuyến tỉnh	Tại tuyến huyện	Tổng cộng	Số đơn vị máu nhiễm hoặc nghi nhiễm HIV
1	Số cơ sở lấy máu trong địa bàn quản lý				X

TT	Các thông số	Tại tuyên tỉnh	Tại tuyên huyện	Tổng cộng	Số đơn vị máu nhiễm hoặc nghi nhiễm HIV
2	Tổng số đơn vị máu thu gom được trong kỳ báo cáo				
2.1	Từ người cho máu chuyên nghiệp				
2.2	Từ người cho máu tự nguyện				
2.3	Từ người nhà cho máu				
2.4	Từ nguồn cho máu tự thân				
3	Số đơn vị máu lấy từ cơ sở khác				
4	Số đơn vị máu được sàng lọc HIV theo đúng quy định của Bộ Y tế				

## VIII. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÁN BỘ

Biểu 21. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ

TT	Nội dung báo cáo	Chuyên trách	Kiểm nhiệm
1	Số cán bộ phòng chống HIV/AIDS ở tất cả các tuyên hiện có		
2	Số lượt cán bộ được đào tạo		

Biểu 22. Đào tạo tập huấn theo chuyên đề

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt học viên	
		Ngành Y tế	Bộ ngành khác
1	Đào tạo, tập huấn theo chuyên đề		
1.1	Thông tin, truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi		

TT	Nội dung báo cáo	Số lượt học viên	
		Ngành Y tế	Bộ ngành khác
1.2	Can thiệp giảm thiểu tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV		
1.3	Chăm sóc hỗ trợ người nhiễm HIV		
1.4	Giám sát HIV/AIDS, theo dõi, đánh giá chương trình		
1.5	Tiếp cận điều trị ARV		
1.6	Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện		
1.7	Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con		
1.8	Quản lý và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục		
1.9	An toàn truyền máu		
1.10	Nghiên cứu khoa học		
1.11	Lập kế hoạch, Quản lý		
2	Các lớp đào tạo, tập huấn tổng hợp		
3	Khác		

Biểu 23. Nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài	Lĩnh vực nghiên cứu *	Cấp quản lý **	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí được cấp	Kinh phí đã sử dụng	Nguồn kinh phí ***
1								
2								
3								
4								

(\*) Lĩnh vực nghiên cứu

- (1) Nghiên cứu y sinh học
- (2) Nghiên cứu lâm sàng
- (3) Nghiên cứu dịch tễ học
- (4) Nghiên cứu khoa học xã hội
- (5) Nghiên cứu về hành vi
- (6) Nghiên cứu về kinh tế
- (7) Nâng cao năng lực nghiên cứu
- (8) Nghiên cứu về vac-xin
- (9) Khác. Ghi rõ:.....

(\*\*) Cấp quản lý:

A - Cấp Nhà nước

B - Bộ

C - Ngành

D - Cơ sở, dự án

(\*\*\*) Nguồn kinh phí:

(1) Ngân sách nhà nước

(2) Tài trợ của các tổ chức Quốc tế (ghi cụ thể)

Biểu 24. Hợp tác Quốc tế

TT	Tên dự án	Chương trình hành động	Thời gian thực hiện	Địa bàn triển khai	Kinh phí được cấp	Kinh phí đã sử dụng	Nhà tài trợ	Hình thức tài trợ
1								
2								
3								
4								

## IX. NGÂN SÁCH

Biểu 25. Kinh phí theo kế hoạch đã được phê duyệt

Năm báo cáo: Từ \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_ đến \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_ Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn kinh phí		Các chương trình hành động								
		Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 7	Số 8	Số 9
I. Kinh phí nhà nước	Trung ương									
	Địa phương									
	Tổng I									
II. Kinh phí huy động từ tư nhân	Công ty, tập đoàn									
	Cá nhân đóng góp									
	Tổng II									
III. Kinh phí hỗ trợ từ quốc tế	Nguồn 1.....									
	Nguồn 2.....									
	Nguồn 3.....									
	Nguồn 4.....									
	.....									
(Tên các dự án hiện có)	Tổng III									
Tổng số (I + II + III)										

Biểu 26. Kinh phí thực nhận

Năm báo cáo: Từ \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_ đến \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / \_\_\_\_ Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn kinh phí		Các chương trình hành động								
		Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 7	Số 8	Số 9
I. Kinh phí nhà nước	Trung ương									
	Địa phương									
	Tổng I									
II. Kinh phí huy động từ tư nhân	Công ty, tập đoàn									
	Cá nhân đóng góp									
	Tổng II									
III. Kinh phí hỗ trợ từ quốc tế	Nguồn 1.....									
	Nguồn 2.....									
	Nguồn 3.....									
	Nguồn 4.....									
	.....									
(Tên các dự án hiện có)	Tổng III									
Tổng số (I + II + III)										